NEW PEUGEOT 3008 ACTIVE

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

KÍCH THƯỚC / DIMENSIONS

(Đơn vị: mm)

Khoảng sáng gầm xe Ground clearance	165 mm
Số chỗ ngồi Seating capacity	5

ĐỘNG CƠ - VẬN HÀNH / ENGINE - PERFORMANCE

Loại động cơ / Engine type	1.6L Turbo High Pressure (THP)
Công suất cực đại / Max. power	165 hp @ 6.000 rpm
Mô men xoắn cực đại / Max. torque	245 Nm @ 1.400 – 4.000 rpm
Hộp số / Transmission	Tự động 6 cấp / 6-speed automatic
Tiêu hao nhiên liệu kết hợp Combined fuel consumption	7,16 L/100 km

TRANG BỊ NỔI BẬT / HIGHLIGHTED FEATURES

- Cụm đèn trước LED / LED front headlamps
- Mâm hợp kim 18-inch kiểu Los Angeles / Los Angeles design 18-inch alloy wheels
- Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện, sấy / Side mirrors with electric adjustment, folding, heating
- Cụm đèn hậu LED dạng móng vuốt sư tử / Rear LED signature 'Claw Effect' lights
- Cốp sau đóng - mở điện, rảnh tay / Electric boot opening with foot sensor
- Bảng đồng hồ kỹ thuật số 12,3 inch / 12,3 inch digital cluster display
- Ghế người lái chỉnh điện / Driver seat: electric adjustment
- Màn hình cảm ứng trung tâm 8-inch / 8-inch touchscreen
- Cảm biến đỗ xe phía sau / Rear parking sensors
- 6 túi khí / 6 airbags
- Camera lùi 180 độ / 180-degree reversing camera
- Điều khiển hành trình / Cruise control
- Giới hạn tốc độ / Speed limit

MÀU XE / COLORS

Cam Fusion Orange Fusion (KLS)	Đỏ Sensation Sensation Red (M6MY)	Xanh Emerald Emerald Crystal (EDZ)	Trắng Pearl Pearl White (KWE)	Xám Platinum Platinum Grey (EVL)	Đen Nera Nera Black (KTV)

Lưu ý: Hình ảnh & Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần báo trước. Vui lòng liên hệ Showroom gần nhất để biết thêm chi tiết.
Note: Image & Specifications are subject to change without prior notice. Please contact nearest Showroom for more information.

NEW PEUGEOT 3008 ALLURE

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

KÍCH THƯỚC / DIMENSIONS

(Đơn vị: mm)

Khoảng sáng gầm xe Ground clearance	165 mm
Số chỗ ngồi Seating capacity	5

ĐỘNG CƠ - VẬN HÀNH / ENGINE - PERFORMANCE

Loại động cơ / Engine type	1.6L Turbo High Pressure (THP)
Công suất cực đại / Max. power	165 hp @ 6.000 rpm
Mô men xoắn cực đại / Max. torque	245 Nm @ 1.400 – 4.000 rpm
Hộp số / Transmission	Tự động 6 cấp / 6-speed automatic
Tiêu hao nhiên liệu kết hợp Combined fuel consumption	6,84 L/100 km

TRANG BỊ NỔI BẬT / HIGHLIGHTED FEATURES

Cụm đèn trước LED projector / LED projector front headlamps

Mâm hợp kim 18-inch kiểu Los Angeles / Los Angeles design 18-inch alloy wheels

Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện, sấy, tích hợp đèn chào logo Peugeot

Side mirrors with electric adjustment, folding, heating, logo Peugeot projection

Cụm đèn hậu LED 3D dạng móng vuốt sư tử / Rear 3D LED signature 'Claw Effect' lights

Cốp sau đóng - mở điện, rảnh tay / Electric boot opening with foot sensor

Ghế bọc da Claudia Mistral / Mistral Claudia leather seat

Hàng ghế trước chỉnh điện / Electric driver & front passenger's seat

Bảng đồng hồ kỹ thuật số 12,3 inch / 12,3 inch digital cluster display

Màn hình cảm ứng trung tâm 10-inch / 10-inch touchscreen

Cửa sổ trời toàn cảnh / Panorama sunroof

Đèn trang trí nội thất / Ambient lighting

6 túi khí / 6 airbags

Cảm biến đỗ xe phía trước và sau / Front & rear parking sensors

Gói an toàn ADAS / ADAS safety package

MÀU XE / COLORS

Cam Fusion
Orange Fusion
(KLS)

Đỏ Sensation
Sensation Red
(M6MY)

Xanh Emerald
Emerald Crystal
(EDZ)

Trắng Pearl
Pearl White
(KWE)

Xám Platinum
Platinum Grey
(EVL)

Đen Nera
Nera Black
(KTV)

Lưu ý: Hình ảnh & Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần báo trước. Vui lòng liên hệ Showroom gần nhất để biết thêm chi tiết.
Note: Image & Specifications are subject to change without prior notice. Please contact nearest Showroom for more information.

NEW PEUGEOT 3008 GT

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

KÍCH THƯỚC / DIMENSIONS

(Đơn vị: mm)

Khoảng sáng gầm xe Ground clearance	165 mm
Số chỗ ngồi Seating capacity	5

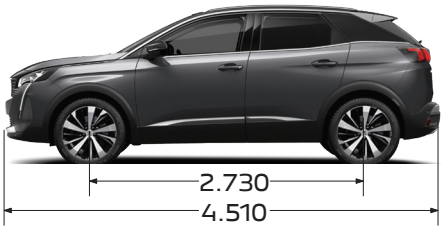

ĐỘNG CƠ - VẬN HÀNH / ENGINE - PERFORMANCE

Loại động cơ / Engine type	1.6L Turbo High Pressure (THP)
Công suất cực đại / Max. power	165 hp @ 6.000 rpm
Mô men xoắn cực đại / Max. torque	245 Nm @ 1.400 – 4.000 rpm
Hộp số / Transmission	Tự động 6 cấp / 6-speed automatic
Tiêu hao nhiên liệu kết hợp Combined fuel consumption	6,84 L/100 km

TRANG BỊ NỔI BẬT / HIGHLIGHTED FEATURES

Cụm đèn trước LED projector / LED projector front headlamps

Mâm hợp kim 19-inch kiểu New York / New York design 19-inch alloy wheels

Kính cửa sổ ghế trước 2 lớp / Acoustic & laminated front side windows

Cụm đèn hậu LED 3D dạng móng vuốt sư tử / Rear 3D LED signature 'Claw Effect' lights

Cốp sau đóng - mở điện, rảnh tay / Electric boot opening with foot sensor

Ghế bọc da Claudia Habana / Claudia Habana leather

Ốp nội thất da Alcantara / Alcantara dashboard sets

Hàng ghế trước chỉnh điện / 1st row: Electric adjustment

Bảng đồng hồ kỹ thuật số 12,3 inch / 12,3 inch digital cluster display

Màn hình cảm ứng trung tâm 10-inch / 10-inch touchscreen

Hệ thống âm thanh 10 loa Focal / 10 Focal speakers

Cửa sổ trời toàn cảnh / Panorama sunroof

Đèn trang trí nội thất / Ambient lighting

Cảm biến đỗ xe phía trước và sau / Front & rear parking sensors

Gói an toàn ADAS / ADAS safety package

MÀU XE / COLORS

Cam Fusion
Orange Fusion
(KLS)

Đỏ Sensation
Sensation Red
(M6MY)

Xanh Emerald
Emerald Crystal
(EDZ)

Trắng Pearl
Pearl White
(KWE)

Xám Platinum
Platinum Grey
(EVL)

Đen Nera
Nera Black
(KTV)

Lưu ý: Hình ảnh & Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần báo trước. Vui lòng liên hệ Showroom gần nhất để biết thêm chi tiết.
Note: Image & Specifications are subject to change without prior notice. Please contact nearest Showroom for more information.